



Con Đường Cái Quan

Nguyễn Thị Mát Nâu

*Hỡi anh đi đường cái quan
Dừng chân đứng lại cho em than đôi lời
Đi đâu vội mấy anh ơi...*

Mượn câu hò của cô con gái bắc trong trường ca "Con Đường Cái Quan" của nhạc sĩ Phạm Duy, để mở đầu câu chuyện Con đường Cái Quan của nước Việt Nam.

Nếu là cô gái miền nam, câu hò sẽ lạnh lốt rằng:

*Bớ anh đi đường vắng đường xa
Dừng chùn đứng lại nghe em ca đôi lời
Đi đâu gấp dzữ dzậy anh ơi..*

Nếu là cô gái miền trung, câu hò sẽ rất điệu đà:

*Ai đi trên đường (là) dặm trường
Đi mô mà vội vã (là hò hò khoan nì)...
Cho em xin có mấy lời, là hò hò khoan*

Dù giọng hò miền nào, cũng trữ tình, và mang ngôn ngữ tiết tấu địa phương.

Đường Cái Quan được gọi là đường Thiên Lý, cũng gọi là Quan Lộ hay đường Quan Báo. Một con đường xuyên Việt, chạy dài từ bắc vào đến miền nam Việt Nam.

Nói cách khác, con đường trải dài từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, xây vào đầu thế kỷ 19.

*Con đường thiên lý xa xôi
Con đường xuyên Việt một thời hôm xưa
Bao ngày dầu dãi nắng mưa
Bắc Nam nối kết mây đưa theo trăng*

Đường Cái Quan, do Hồ Hán Thương, vua thứ hai của nhà Hồ lập nên. Năm Hán Thương Thiệu Thành, vua cho sửa con lộ từ Tây Đô đến Hoá Châu, dọc đường đặt các trạm thư tín, và gọi là đường thiên lý. Con đường huyết mạch thông tin từ bắc vào nam thời ấy. Ngày nay gọi là quốc lộ 1A, chạy dài từ cửa khẩu Hữu Nghị Quan (Lạng Sơn), tính từ 0km đến 2301 km + thêm 340m tại thị xã Năm Căn, Cà Mau, được hình thành thời nhà Lý, kéo dài tới nhà Nguyễn.

Đường Cái quan đóng vai trò quan trọng trong kinh tế cũng như quốc phòng. Góp phần lớn trong việc quản lý đất nước. Nhà Nguyễn chú trọng đặc biệt về phát triển và xây dựng tuyến đường huyết mạch này, để thông tin liên lạc Bắc Nam.. Và đường bộ ra đời.



Trước khi có đường cái quan, thời Lý Thái Tông, có hệ thống quan lộ. Mỗi tuyến đường chia ra từng cung, cắm biển gỗ (bảng gỗ), chỉ phương hướng, có người cai quản và đặt trạm, mỗi trạm cách nhau 15-20m, chủ yếu vận chuyển công văn, chuyển tài vật, từ kinh đô đi khắp nơi và ngược lại, đồng thời là nơi nghỉ chân cho các quan triều đình trên đường công cán (công tác).

*Tuyến đường huyết mạch gian nan
Thông tin đường bộ cho quan triều đình
Cho người phu trạm xuôi kinh
Bớt gian bớt khổ điều linh một nhòai*

Trong Phủ Biên Tạp Lục, ông Lê Quý Đôn mô tả đoạn đường, núi, đèo, và đường đi hiểm trở cheo leo rằng:
"Ở Nghệ An, từ Thanh Chương xuống Hương Sơn, dọc đến Thanh Hà, theo dải Hoàng Sơn vào Kỳ Hoa. Về phía nam, vượt Hoàng Sơn là xã Phú Lưu, về châu Bố Chính, giáp Nghệ An, núi trùng điệp, nằm vắt ngang như tường thành."

Núi Đâu Mâu huyện Khang Lộc có một ngọn, rất nhọn rất cao, chân núi là sông Cá, nơi sinh ra loài trạch dài. Núi Thần Dinh huyện Khang Lộc, các ngọn hướng về tây nam, chỉ một ngọn hướng trái ngược, nên núi có tên Bất Nghĩa.

Núi Lồi Lồi ở châu Bồ Chính, là 1 dãy của Hoàng Sơn, dài rộng, cùng với Tự Loan 2 bên tả hữu, có khe nước, thuyền bè đậu ở nơi đây".

(Văn xưa dài dòng, cho thấy sự hình thành đường Thiên Lý hết sức vất vả gian nan):

*Mây núi chập chùng mây núi cao
Tai nghe gió núi thét với gào
Xung quanh không bóng người nào cả
Để lòng nghe trống vắng làm sao.*

Lộ trình đường cái quan được ghi là Madarins' Road vào năm 1893, từ Cửa Hàn lên kinh đô nhà Nguyễn, vượt đèo Hải Vân. Lộ trình chập chùng mây nước, không bóng người, có nhiều núi:

- Núi Mã Yên: ở đầu nguồn Lệ Thủy, cao sừng sững trông như yên ngựa, nên có tên Thiên Mã.
- Núi Liệp Sơn: ở Minh Linh, ngọn núi tròn trĩnh và đẹp đẽ.
- Núi Thượng Sơn: đầu nguồn huyện Hương Trà, núi cao, đỉnh có giếng nước trong vắt và thơm.
- Núi Uyển Sơn: huyện Kim Trà, các ngọn trùng điệp như rồng đi hổ phục, kéo ra sông Cái, rồi vọt lên, tỏa tròn như cái chén.
- Núi Hải Vân: huyện Tư Vinh, chân núi ăn ra bể, ngọn cao tít từng mây, trở thành ranh giới của Thuận Hóa và Quảng Nam.

Có 2 cửa ải, 2 đồn binh canh giữ. Từ Hải Vân về Điện Bàn Duy Xuyên, phải mất 2 ngày đường.

*Bao nhiêu ngọn núi bấy nhiêu đèo
Lòng lộng mây trời, gió hút theo
Long lanh đáy nước hờ im lặng
Hiểm hóc cheo leo nắng nhạt phèo
Ma thiêng nước độc buồn tê dại
Vắng vẻ đìu hiu cảnh vắng teo..*

Buổi đầu, chuyên về nông nghiệp, dân sống theo kinh tế tự cung tự cấp. Nếu cần, các vùng trao đổi nhau bằng đường thủy. Thời điểm các tổ phụ vào nam, khoảng từ 1566 đến 1579. Thời gian biến động lịch sử. "Đàng ngoài" đất hẹp người đông, liên tục mất mùa. "Đàng trong", miền đất mới nhiều hứa hẹn, mưa thuận gió hòa, đất rộng người thưa, nhiều nơi hoang vu chưa người khai phá.

Từ Kỷ Mùi 1559 đến Mậu Thân 1608, vùng Thanh Hoá Nghệ An, năm thì lũ lụt, năm thì hạn hán, giá gạo đất đỏ, dân nghèo bỏ đi phiêu tán khắp nơi. Trong bối cảnh đó, dân theo chiếu lệnh của vua Lê:

"Xứ Ô Châu dân Chiêm Thành bỏ đi hết. Dân các nơi không nhà cửa, không ruộng nương, của cải, chiêu mộ qui tụ cày bừa, khi đủ số đinh, đủ lập thành xóm làng mới đánh thuế"...

Từ đó, đoàn di dân nam tiến, ùn ùn đổ vào miền đất mới. Theo tổ chức hoặc khai hoang tự phát cá nhân. Bất cứ cá nhân hay đoàn thể, vi phạm pháp luật sẽ bị lưu đày. Người vào nam bằng đường biển, ven theo biển phía bắc, nhanh chóng tiếp cận các cửa sông, cửa biển, và khai canh làng xã theo dạng nghề làng chài, làng ghe, đánh bắt hải sản. Số còn lại đường bộ. Đoàn di dân mở cũi bằng đường bộ, chỉ bằng bước chân trần, khởi nghiệp trên con đường thiên lý gian nan, với máu, mồ hôi, nước mắt, và cả sinh mạng để tìm miền đất hứa.

*Cũng như sau bảy mươi lăm
Đi tìm đất hứa thật xa xăm
Lênh đênh đường thủy thì cướp biển
Lặn lội rừng sâu ấy bạo hành
Khai quang khởi nghiệp là đau khổ
Tìm chốn an toàn trong mong manh
Năm xưa đổi mạng, nay cũng vậy
Số kiếp con người sao lênh đênh .*

Đoàn di dân, vũ khí thô sơ, chủ yếu là dao rựa, gậy gộc và giáo mác. Ai có áo thì mặc áo, ai có quần thì mặc

quần. Không có áo quần thì đóng khố. Đầu đội nón lá hoặc quần khăn. Hành lý sơ sài.

Năm ba người chung 1 cái hòm (rương) chính yếu là đựng thức ăn, các loại củ rừng, rau, măng.. thu thập dọc đường. Săn bắt được con hươu con nai, hay hổ báo .. gánh theo làm thực phẩm dọc đường. Gặp sông suối thì bắt cá bắt cua đỡ bữa:

*Dầu dãi phong trần với nắng mưa
Lênh đênh gió lộng đất giao mùa
Hoang sơ heo hút trời vắng vẻ
Rong rã hành trình cuộc gió mưa.*

Cứ thế đoàn di dân ngày đi đêm nghỉ. Gặp sông băng sông, gặp suối lội suối. Gặp đình chùa miếu mạo, vào khăn vái cầu xin bình yên, cầu cho chân cứng đá mềm, đi đến nơi về đến chốn. Rồi xin thần hoàng cho nghỉ tạm qua đêm.

Ban đêm giữa rừng sâu, đốt lửa phòng thú dữ, quây quanh đồng lửa, vừa ngủ vừa chia nhau canh gác.

*Đi tìm cái sống trong cái chết
Phương tiện nghèo nàn của thời xưa
Lết lê nghiệp dĩ âm thừa
Xưa hay nay hồn cũng.. đang đưa điệubuồn.*

Di chuyển rừng thiêng nước độc, nên ốm đau, sốt rét, là chuyện đương nhiên. Không thuốc thang kịp, nhiều người nằm lại ven rừng, thành nấm mồ vô chủ. Cũng có người đau ốm, cổ lết chân yếu tay run, ngã xuống vực là chuyện không tránh được. Đồng đội đành nhìn, không làm gì được.

*Dù bây giờ tiến bộ văn minh
Nhìn cảnh xưa thấy giật mình xót thương
Lênh đênh trong kiếp vô thường
Nấm mồ vô chủ đoạn trường thế gian.*

* Về sau, khi có dịp đi trên đường cái quan tức con đường Thiên lý. Danh sĩ Nguyễn Thông viết:

*"Ve kêu tự chốn nào
Về tới giọng thêm sầu
Khách đi mệt muốn nghỉ
Vắng vẻ chốn rừng sâu
Bên đường hổ đói thét
Mảnh áo giọt sương đau".*
(Cuộc di dân nào cũng thảm)

- Từ Đèo Hải Vân về Điện Bàn (Duy Xuyên) mất 2 ngày. Chính thế những bước chân qua đèo đã mở trang sử mới, mở vùng đất mới. Cuối cùng sau nhiều tháng nằm gai nếm mật, đoàn người đến được nơi họ ước mong.
- Và tổ phụ VN quyết định dừng tại hữu ngạn sông Thu Bồn, Phủ Kỳ (Gò Nổi) khai phá đất này. Trong bối cảnh ấy, Quảng Nam đã trải theo dòng lịch sử qua các giai đoạn đất nước như sau:
- 1555: Vùng đất từ Quảng Bình vào sông Thu Bồn thế kỷ 16. Sách Ô Châu Cận Lục của Dương Văn An, huyện Điện Bàn gồm nửa tỉnh Quảng Nam kể cả Đà Nẵng, thuộc phủ Triệu Phong, có 66 làng. Trong đó 30 làng vẫn còn tên tới nay. Địa danh Đà Nẵng lần đầu được nhắc đến trong Ô Châu Cận Lục, khi nói đến ngôi đền Nguyễn Phục cửa biển Đà Nẵng.

Nguyễn Phục người đỗ tiến sĩ 1453, giữ chức Phi Vận tướng quân trong cuộc bình Chiêm của vua Lê Thánh Tông (1471). Trên đường vận chuyển thuyền lương gặp bão, không tới kịp, quân sĩ đói. Ông bị bắt giam, bị chém. Khi vua hiểu có sự, tức là hiểu được lý do trễ nải, truyền chỉ tha bổng, nhưng hơi ơ án chém đã thi hành:

*Chiếu lệnh vua quan thật nhức đầu
Chưa cần thông hiểu ủa nhẫu trần gian
Oan khiến lệ chảy hai hàng
Hồn kia sớm thác hồn mang oán hờn.*

- 1558: Nguyễn Hoàng con thứ của Nguyễn Kim được phong Đoan Quận Công, trấn thủ Thuận Hoá (Thừa Thiên Huế ngày nay) được vua Lê Anh Tông chấp thuận. Ban đầu, Nguyễn Hoàng lập bản

doanh ở Ái Tử bên bờ sông Thạch Hãn (Quảng Trị). Bản tình ca nào đó vời vợi, vời điệu Boléro:
"mẹ thương con ra cầu Ái tự. Vợ trông chồng lên núi Vọng Phu".

- 1569: Nguyễn Hoàng ra Thanh Hóa yết kiến vua Lê tại hành cung An Trường (nay thuộc Nghệ An) được vua cho kiêm nhiệm 2 trấn Thanh Hoá và Quảng Nam. Quận công Nguyễn Bá Quýnh trấn Quảng Nam, đổi về trấn Nghệ An.
- 1572: Chúa Nguyễn Hoàng trấn giữ hơn 10 năm. Chính sự, quân lệnh nghiêm, an cư lạc nghiệp, chợ bán không 2 giá, không trộm cướp, thuyền buôn các nước đổ về. Hội An trở nên đô hội.
- 1576: Thương nhân Trung Hoa bắt đầu đến Hội An, Minh Mục Tông của Tàu mở lệnh cho phép dân xuất dương đi buôn, theo chiếu chỉ Minh Thái Tổ có từ 1371. (Mấy ông ba Tàu lúc nào cũng khệnh khạng quan liêu. Chậm như rùa và xỉ xằng hống hách):

*Đáng ghét làm sao cái lũ tàu
Đề nhiều cho lắm, thật lau nhau
Lưu linh lưu địa toàn thế giới
Gieo rắc oan khiên thật thâm sâu
Ngày xưa cũng thế nay cũng vậy
Thế giới tây chay, có sợ đâu
Gian thương gian lận, dân vẫn khổ
Đề lắm cho đông, cái lũ Tàu.*

Hệ thống đường bộ, sử VN ghi đường Cái Quan tức đường Thiên Lý có từ thời Lý, con đường chia nhiều trạm xá, mỗi trạm cách nhau 15 đến 20km có phu trạm canh gác, mục đích để chạy công văn, và văn thư.

*Con đường thiên lý xa ngàn dặm
Trải suốt quê hương cả 3 miền
Con đường huyền ảo thần tiên
Lung lơ câu hát đưa duyên ngọt ngào
Thương làm sao nhớ làm sao
Giọng hò cổ lý, thổi vào thân quen
Bắc trung nam vẫn ngọt mềm
Vượt qua đồng cỏ lúa êm cánh đồng
Vượt đèo vượt núi qua sông
Cái quan rộng mở trong lòng lãng du
Hương mùa thu lá mùa thu
Con đường thiên lý thiên thu bạt ngàn.*

Thời Lê 1471, triều đình cho đắp đường Thiên Lý từ Thăng Long vào Bình Định.

Vua Gia Long thống nhất đất nước, lập nhà Nguyễn, con đường giao thông Nam Bắc được triều đình quan tâm, cho đắp lại. Chạy dài từ Nam Quan tới Hà Tiên.

Dọc theo con đường, cách 30 dặm lại đặt trạm xá, có viên chức địa phương trông coi. Giữa thế kỷ 19, có 133 trạm, 6000 cai đội, phu trạm phục vụ. Hệ thống tin tức do ty Bưu Chính, công văn thì ty thông tin truyền bằng ngựa.

Từ kinh thành Huế tới Hà Nội, được qui định tối đa 4 hay 5 ngày. Nếu quá hạn, phu trạm bị phạt. Trước thời hạn thì được thưởng:

*Thuởng phạt công minh cũng rõ ràng
Phu trạm dọc đường cũng thênh thang
Thư tín chuyển đi bằng sức ngựa
Ngồi cười trên lưng cũng lạ làng.*

Những rạch ngòi nhỏ có cầu bắc ngang. Chỗ sông lớn có bến đò qua sông. Phu trạm khi chạy tin được ưu tiên qua đò.

An Nam Đại Quốc họa đồ năm 1838, ghi rõ con đường cái quan từ Huế ra Hà Nội, từ Hà Nội lên Lạng Sơn. Dọc đường đánh dấu từng trạm xá (Cursorum Publicurum Station). Quốc lộ 1 ở thế kỷ 20, cũng chạy theo con đường thiên Lý lịch sử này. Người phu trạm xưa, được coi là tiền thân của ngành bưu chính Việt Nam. Ngày 6/6/1971, tổng cục bưu chính VNCH phát hành tem người phu trạm phi ngựa, kỷ niệm 20 năm bưu hoa VN.



Đường cái quan có giá trị đối với người Việt. Là lộ trình duy nhất cho dân 3 miền, và cho lữ khách nổi liền lòng người với cảnh đẹp quê hương.

*Cảnh đẹp quê hương vốn tuyệt vời
Trong mùi đất mẹ ấm và tươi
Thuốt tha trong nắng thơm mùi lúa
Thấp thoáng từ xa cảnh núi đồi
Quê nghèo lấp ló những nương dâu
Xa xa khóm lá phủ màu thời gian
Ai làm đất nước ly tan
Con đường đứt quãng Cái Quan nhuộm sầu.*

Theo nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân, đường cái quan chính thức xây năm Ất Mão 1375, nối liền kinh thành Thăng Long vào Thanh Hoá. Đến đời nhà Hồ 1402, con đường nối tiếp vào Châu Hoá (Huế).

Năm Tân Mão 1471, vua Lê Thánh Tông bình Chiêm. Sau chiến thắng Chà Bàn, Quảng Nam được thành lập vào ngày 6 tháng 6 năm đó. Vua tổ chức hệ thống giao thông từ Thăng Long đến phủ Hoài Nhơn (Bình Định) bằng đường bộ.

Năm Mậu Ngọ 1558, Nguyễn Hoàng, trấn nhiệm Thuận Quảng. Tiếp theo xảy ra tranh giành thế lực, sử cũ gọi là Trịnh Nguyễn phân tranh. Cuộc phân tranh kéo dài hơn 2 thế kỷ. Để phục vụ chiến tranh, con đường được cả 2 bên Trịnh-Nguyễn, cùng mở rộng. Sau đó nối dài về phương nam theo sự kiện mở rộng đất nước vào năm 1757 thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, và con đường dẫn đến Hà Tiên.

*Làm đường phục vụ chiến tranh
Trịnh Nguyễn tranh giành sử sách còn ghi
Trăm năm thống khổ sầu bi
Đến khi nằm xuống còn gì nữa đâu
Xa trông nước biển xanh mầu
Sắc không, không sắc, bể dâu hoang tàn.*

Năm 1792, chúa Nguyễn Phúc Ánh (sau là vua Gia Long) đắp đường từ Mỹ Tho qua giồng Kiến Định và bắc cầu Quy Tông. Ông huy động dân binh đắp đường Thiên Lý phía nam từ Gia Định dọc theo giồng Cát xuống Trấn Định, qua Thủ Đoàn, giồng Cai Yển, giồng Tha La, giồng Kỳ Lân, Cai Lữ, Trà Luộc, Cai Lễ, Thủ Triệu, Cai Thia... với nhiều trạm kiểm soát.

Con Đường Cái Quan xuyên 3 miền bắc nam trung ... đồng thời là tên bản trường ca nổi tiếng của nhạc sĩ Phạm Duy. Tác phẩm này n/s Phạm Duy viết xong phần đầu tại Paris 1954 (sau hiệp định Genève chia đôi đất nước). Viết để phản đối sự chia cắt đất nước. Khi trở lại Saigon, nhờ kiến trúc sư Võ Đức Diên (chủ nhiệm tờ Sáng Dội Miền Nam), đã giúp phương tiện để nhạc sĩ đi từ Saigon ra Quảng Trị lấy cảm hứng, thì tác phẩm hoàn thành. Như vậy trường ca Con Đường Cái Quan khởi đầu 1954, và hoàn tất 1960. Khi hoàn tất, được in ngay trên tờ Sáng Dội Miền Nam với bản viết tay của chính tác giả:

*"Tôi đi từ Ái Nam Quan... Sau vài năm lẻ
Chia đôi một họ trăm con đã lên đường..."*

Gọi là trường ca, vì bài ca rất dài, được chia ra 19 bài hát nhỏ, có thể hát từng bài, như 19 bài riêng biệt. Nội dung gồm 3 phần chính với 19 đoạn khúc nói về du hành của người lữ khách xuyên Việt.

1/ Đi từ miền bắc: gồm những đoàn khúc :

*Anh đi trên đường cái quan - Tôi đi từ ải nam quan - Đồng Đăng có phố kỳ lừa - Người về miền xuôi -
Này người ơi - Tôi đi từ lúc trắng tờ...*

Các đoàn khúc đi từ miền Bắc, dồn dập, hào hùng của người khai sơn phá thạch băng hà.

2/ Qua miền trung: gồm các đoàn khúc:

*Ai đi trong gió trong sương - Ai vô xứ Huế thì vô - Ai đi trên dặm đường trường -Nước non ngàn dặm ra
đi - Gió đưa cành trúc la đà - Tôi xa quê nghèo ruộng nghèo..*

Các đoàn khúc miền Trung, điệu ca trở nên ngọt ngào, tha thiết, đôi khi xót xa như bước chân đi của nàng Huyền Trân công chúa.

3/ Vào miền nam: gồm các đoàn khúc:

*Anh đi đường vắng đường xa. Nhờ gió đưa về . Đi đâu cho thiếp theo cùng Đèo cao Châu Đốc gió độc
Gò Công. Cữu Long Giang/ Về miền Nam. Giã ơn cái cối cái chày. Đường đi đã tới...*

Vào miền Nam, dòng nhạc trở nên hoan lạc, đó là bước chân hân hoan của lũ khách đã hoàn tất chuyến đường diệu vợi gian nan, vượt núi vượt rừng, viên mãn.

Giáo sư Trần Văn Khê đọc và hát đi hát lại nhiều lần, nhận định đại khái rằng:

*"Đây là nhạc phẩm có giá trị cả về ý lẫn nhạc. Nghe xong, ai cũng muốn được là người lũ khách trên
đường xuyên Việt, từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.*

*Tác giả gọi lại phong cảnh 3 miền. Từ biên ải quan san, có núi đèo, có nhịp cầu tả tơi. Có con sông
Gianh. Có ải Chi Lăng. Có Thăng Long, có Hà Nội. Có người ở Đồng Đăng nhớ nàng Tô Thị với phố Kỳ
Lừa...*

*Nhắc tới phố Kỳ Lừa và nàng Tô Thị, bài hát ru quen thuộc, khá nhiều người miền bắc biết : "Đồng
Đăng có phố Kỳ Lừa, có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh, Ai lên xứ Lạng cùng anh, bồ công cha mẹ
sinh thành ra em. Tay cầm bầu rượu nắm nem, mãi vui quên hết lời em dặn dò. Gánh vàng đi đổ sông
ngô đêm nằm mơ tưởng đi mò sông thương. Vào chùa thắp một nén hương, miệng khấn tay vái 4
phương chùa này. Chùa này có 1 ông thầy, có hòn đá tảng có cây ngô đồng. Cây ngô đồng không
trồng mà mọc. Lá ngô đồng xẻ dọc xẻ ngang...v...v..."*

- Phố Kỳ Lừa ở đâu?

Con phố nằm ngay trung tâm thành phố Lạng Sơn, mua bán sầm uất, là giao điểm của các dân tộc thiểu số, và lân cận.

- Tô Thị ?

Ngọn núi có dáng như người mẹ bồng con, gắn liền mối duyên tình oan nghiệt của 2 anh em ruột và lòng thủy chung son sắt của người con gái Việt.

- Chùa Tam Thanh ?

Ngôi chùa trong núi, rất đẹp. Thu hút khách vì dáng vẻ thiên nhiên và bức tượng Phật A di Đà nổi liền vách đá từ thế kỷ 15.

Phạm Duy cho lũ khách làm nhân vật chính, khởi đầu bước chân đi từ bắc vào trung... Chi Lăng, Thăng Long, Hà Nội ... Ngọn trúc la đà, tiếng chuông Thiên Mục, dòng sông Hương lờ lững. Nhưng đất ruộng còn nghèo, ví von nỗi hy sinh của công chúa Huyền Trân, cảm thương xót xa cây quế giữa rừng, đem hương sắc, ly tan đổi 2 châu Ô châu Rí, mở mang bờ cõi

.... qua cồn cát, vượt đèo Hải Vân. Vào cánh đồng sông Đồng Nai mũi Cà Mau... màu mỡ, cây ngọt trái lành. Lữ khách gặp cô cắt cỏ, gặp cô lái đò, gặp bà mẹ và cô gái miền Nam, sau này trở thành vợ lũ khách. Cuối cùng đốt lửa vui, nối liền tình người và đất nước. Dừng chân địa phương nào, nghe ngôn ngữ miền đó.

Vài chữ sơ suất địa phương lúc vào tới miền nam nhưng không giảm giá trị của trường ca

Mọi thể điệu dân ca điệu hát ví, hát ru, hát lượn, của miền Bắc "Ai vô xứ Huế thì vô". "Ai đi trong gió trong sương". "Gió đưa cành trúc la đà"...Cái ai oán của nhạc Huế trong "giã ơn cái cối cái chày"

Trường ca Con đường Cái Quan, một giá trị lớn trong làng âm nhạc, vài tí vết không đáng kể. Được Phạm Duy ghi bằng âm nhạc công phu, như lời nhận định của giáo sư Trần Văn Khê.

Nghe nó, hát nó... đa số thích thú khi thưởng thức dân ca 3 miền.

Nhưng ít ai tìm hiểu lịch sử con đường này.

Hôm nay ôn lại dòng lịch sử
Từ khai sơn lập quốc của người xưa
Mệnh mang dội lại âm thừa
Lòng se sắt buồn đông đưa nuối tiếc
Dấu chân qua nào ai có biết
Biết là bao xương trắng ở ven rừng
Suối mồ hôi và máu đổ thành sông
Xác thân chết với nấm mồ vô chủ
Dấu oan khiên từ những ngày tháng cũ
Đã xa rồi nhưng như vẫn còn đây
Ơn tiền nhân sâu nặng cao đầy
Xin thắp một nén hương tưởng niệm.

Đề cập về tình yêu 3 miền đất nước trong âm nhạc VN - Ngoài trường ca Con Đường Cái Quan. Chúng ta không thể không kể

- Hồn Vọng Phu/ nhạc sĩ Lê Thương.
- Hội Trùng Dương/nhạc sĩ Phạm Đình Chương.

Nguyễn Thị Mất Nâu